



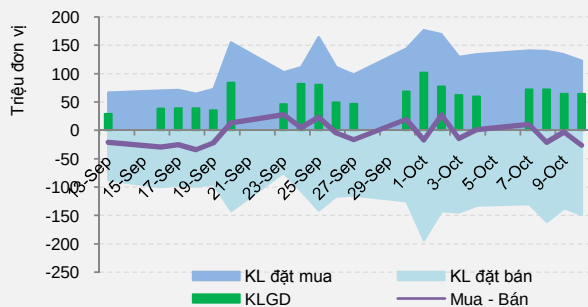
BẢN TIN THỊ TRƯỜNG

Phiên giao dịch ngày: 10/10/2013

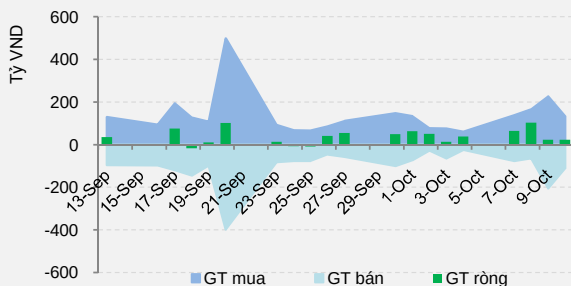
Thông kê thị trường	HOSE	HNX
Index	494.8	60.7
% Thay đổi	↓ -1.2%	↓ -0.7%
KLGD (CP)	64,509,197	28,922,232
GTGD (tỷ đồng)	971.70	249.81
Tổng cung (CP)	148,958,410	57,488,500
Tổng cầu (CP)	122,818,260	48,002,200

Giao dịch NĐTNN	HOSE	HNX
KL bán (CP)	2,054,980	545,900
KL mua (CP)	3,149,250	1,307,900
GTmua (tỷ đồng)	132.76	15.21
GT bán (tỷ đồng)	109.74	7.84
GT ròng (tỷ đồng)	23.02	7.36

Tương quan cung cầu HOSE



Giá trị Giao dịch NĐTNN HOSE



Ngành Cấp 1	% thay đổi	P/E	P/B	%GTGD
Công nghệ Thông tin	↓ -1.60%	7.3	1.5	1.7%
Công nghiệp	↓ -0.52%	725.8	1.0	18.1%
Dầu khí	↓ -2.80%	7.4	1.5	4.1%
Dịch vụ Tiêu dùng	↓ -1.17%	13.2	1.8	2.3%
Dược phẩm và Y tế	↑ 0.33%	8.9	2.9	1.2%
Hàng Tiêu dùng	↓ -1.16%	14.5	4.9	15.3%
Ngân hàng	↓ -0.47%	7.1	1.3	4.0%
Nguyên vật liệu	↓ -0.88%	9.1	2.0	11.1%
Tài chính	↓ -0.99%	16.3	2.4	29.0%
Tiện ích Cộng đồng	↓ -2.03%	9.5	3.4	13.3%
VN - Index	↓ -1.17%	13.0	2.9	79.6%
HNX - Index	↓ -0.70%	34.9	1.5	20.4%

Giao dịch tự doanh của các CTCK trên HOSE				
	Mua	%	Bán	%
KLGD (CP)	2,443,340	3.7%	205,910	0.3%
GTGD (tỷ VND)	171,281	15.1%	3,202	0.3%

NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG

Nhận định: Chỉ số VN-Index giảm điểm khá mạnh với thanh khoản tăng nhẹ so với phiên trước. Mức độ giảm điểm của chỉ số chung chịu tác động của nhóm cổ phiếu lớn (GAS, MSN, VNM). Điểm tích cực là khối lượng khớp lệnh tăng mạnh khi thị trường giảm điểm, cho tín hiệu của lực cầu bắt đáy. Thị trường dự báo tiếp tục diễn biến điều chỉnh trong phiên giao dịch tới, với ngưỡng hỗ trợ kỹ thuật gần nhất là khoảng 490 điểm.

Chỉ số HNX-Index tiếp tục ghi nhận phiên giảm điểm thứ ba liên tiếp từ ngưỡng cản của đường MA200. Mức độ giảm điểm tăng dần cho thấy áp lực cung khá mạnh, dù lực cầu dò đáy không nhỏ. Thị trường dự báo tiếp tục diễn biến điều chỉnh trong phiên giao dịch tới, với ngưỡng hỗ trợ kỹ thuật gần nhất là khoảng 60 điểm.

Với thực tế dòng tiền tham gia thị trường khá tích cực, chúng tôi duy trì quan điểm thị trường sẽ tăng điểm trở lại sau thời gian điều chỉnh kỹ thuật. Do vậy nhà đầu tư nên giữ trạng thái danh mục, quan tâm đến yếu tố cơ bản của cổ phiếu.

- VN-Index giảm 5.86 điểm (1.17%), xuống 494.81 điểm. Đây cũng là mức thấp nhất của chỉ số này trong phiên.

- HNX-Index giảm 0.43 điểm (0.7%), xuống 60.73 điểm. Mức thấp nhất của HNX-Index trong phiên là 60.57 điểm.

- Hôm nay lãnh đạo Thượng viện và Hạ viện của Mỹ sẽ thực hiện đàm phán với nỗ lực giải quyết vấn đề đóng cửa Chính phủ và trần nợ công – sẽ đến hạn vào ngày 17/10 tới. Theo Bloomberg, lãnh đạo Đảng Cộng hòa và Dân chủ sẽ quyết định tăng giới hạn nợ của Chính phủ Mỹ trong ngắn hạn, trước khi đạt được thỏa thuận về chi tiêu Ngân sách.

- Theo Bộ Tài chính, tổng thu cân đối NSNN tháng 9 ước đạt 52,800 tỷ đồng, tăng 5.4% so với mức thực hiện tháng 8. Lũy kế đến hết tháng 9/2013, tổng thu NSNN ước đạt 543,835 tỷ đồng, bằng 66.6% dự toán, tăng 8.7% so với cùng kỳ năm 2012, trong đó thu nội địa ước đạt 64.7% dự toán, thu từ dầu thô ước đạt 84,1% dự toán, thu từ hoạt động xuất nhập khẩu ước đạt 67.4% dự toán. Tổng chi NSNN tháng 9 và lũy kế tổng chi 9 tháng đầu năm ước đạt 70% dự toán, tăng 7.4% so với cùng kỳ năm 2012, trong đó chi đầu tư phát triển ước đạt 70.8% dự toán, chi phát triển các sự nghiệp kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh ước đạt 71.8% dự toán, tăng 10.3% so với cùng kỳ.

- Về nguồn bù đắp bội chi, tính đến hết tháng 9/2013, KBNN đã phát hành được 144,812 tỷ đồng trái phiếu và tín phiếu, bằng 75% kế hoạch được giao (193,000 tỷ đồng), tăng mạnh 45.5% so với cùng kỳ năm 2012. Hoạt động phát hành trái phiếu năm 2013 diễn ra khá thuận lợi nhờ thanh khoản hệ thống Ngân hàng dồi dào, dòng tín dụng ra nền kinh tế còn yếu.

PHÂN TÍCH KỸ THUẬT

VN-INDEX



Minor Trend	Short term trend	Intermediate Trend
Điều chỉnh	Tăng	Đi ngang

Ghi chú:
 Minor Trend là xu hướng từ 5 ngày đến 10 ngày
 Short term trend là xu hướng từ 10 ngày đến 3 tuần
 Intermediate trend là xu hướng từ 3 tuần đến 6 tháng

- VN-Index giảm 5.86 điểm (1.17%), xuống 494.81 điểm. Đây cũng là mức thấp nhất của chỉ số này trong phiên.

- KLGD tăng nhẹ 2.5% so với phiên giao dịch trước, đạt 63.5 triệu đơn vị.

- Chỉ số RSI 14 giảm xuống mức 56.9 điểm, tuy nhiên vẫn thể hiện diễn biến tâm lý tích cực. Đường MACD vẫn dao động trên mức 0 và phía trên đường tín hiệu, vẫn cho chỉ báo về xu hướng tăng điểm.

Nhận định: Thị trường giảm điểm khá mạnh với thanh khoản tăng nhẹ so với phiên trước. Mức độ giảm điểm của chỉ số chung chịu tác động của nhóm cổ phiếu lớn (GAS, MSN, VNM). Điểm tích cực là khối lượng khớp lệnh tăng mạnh khi thị trường giảm điểm, cho tín hiệu của lực cầu bắt đáy.

Thị trường dự báo tiếp tục diễn biến điều chỉnh trong phiên giao dịch tới, với ngưỡng hỗ trợ kỹ thuật gần nhất là khoảng 490 điểm. Với thực tế dòng tiền tham gia thị trường khá tích cực, chúng tôi duy trì quan điểm thị trường sẽ tăng điểm trở lại sau thời gian điều chỉnh kỹ thuật. Do vậy giai đoạn hiện tại phù hợp để nhà đầu tư nắm giữ cổ phiếu/cơ cấu lại danh mục, ưu tiên yếu tố cơ bản của cổ phiếu.

HNX-INDEX



Minor Trend	Short term trend	Intermediate Trend
Điều chỉnh	Tăng	Tăng

Ghi chú:
 Minor Trend là xu hướng từ 5 ngày đến 10 ngày
 short term trend là xu hướng từ 10 ngày đến 3 tuần
 Intermediate trend là xu hướng từ 3 tuần đến 6 tháng

- HNX-Index giảm 0.43 điểm (0.7%), xuống 60.73 điểm. Mức thấp nhất của HNX-Index trong phiên là 60.57 điểm.

- KLGD tăng 21% so với phiên trước, đạt 25.3 triệu cổ phiếu.

- Chỉ số RSI14 giảm nhẹ xuống mức 50.4 điểm, tâm lý thị trường vẫn tích cực. Chỉ báo MACD vẫn dao động trên mức 0 và phía trên đường tín hiệu, vẫn cho tín hiệu về xu hướng tăng điểm.

Nhận định: Chỉ số HNX-Index tiếp tục ghi nhận phiên giảm điểm thứ ba liên tiếp từ ngưỡng cản của đường MA200. Mức độ giảm điểm tăng dần cho thấy áp lực cung khá mạnh, dù lực cầu dò đáy không nhỏ.

Thị trường dự báo tiếp tục diễn biến điều chỉnh trong phiên giao dịch tới, với ngưỡng hỗ trợ kỹ thuật gần nhất là khoảng 60 điểm. Với thực tế dòng tiền tham gia thị trường khá tích cực, chúng tôi duy trì quan điểm thị trường sẽ tăng điểm trở lại sau thời gian điều chỉnh kỹ thuật. Do vậy giai đoạn hiện tại phù hợp để nhà đầu tư nắm giữ cổ phiếu/cơ cấu lại danh mục, ưu tiên yếu tố cơ bản của cổ phiếu.



TOP CỔ PHIẾU CÓ CHỈ SỐ ROE CAO NHẤT

STT	Mã	LNST Q2 (tỷ)	% so Q2.2012	6T/2013 (tỷ)	% so 6T/2012	% so KH 2013	BVPS (VND)	EPS (VND)	P/E	P/B	ROA (%)	ROE (%)
1	GAS	2908.61	23.1%	7200.95	54.2%	93.6%	17,051	6,429	10.5	3.96	25.37	41.56
2	VNM	1842.78	22.4%	3373.62	21.5%	54.2%	20,423	7,699	18.44	6.95	32.72	40.48
3	PPC	355.94	467.1%	1299.95	565.0%	387.6%	15,679	5,411	3.73	1.29	14.41	38.41
4	VIC	3794.28	597.6%	4058.94	223.1%	54.1%	15,763	4,609	13.89	4.06	7.84	38.34
5	BMC	18.89	-38.5%	42.73	-20.5%	53.4%	19,878	6,085	7.56	2.31	25.86	33.94
6	CSM	99.95	42.0%	168.58	54.1%	81.7%	19,037	4,668	7.69	1.89	15.92	31.18
7	DRC	110.65	28.2%	188.82	31.1%	60.4%	14,377	4,303	9.58	2.87	13.94	30.65
8	FCN	36.34	52.8%	63.55	29.1%	53.0%	23,827	4,682	3.97	0.78	9.29	29.72
9	BMP	116.06	30.4%	195.86	15.2%	62.2%	30,330	8,438	9.07	2.52	26.16	29.59
10	HSG	185.38	37.7%	413.54	118.7%	103.4%	22,242	6,413	6.3	1.82	10.45	28.92

CỔ PHIẾU DỰ KIẾN CÓ KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 3/2013 KHẢ QUAN

STT	Mã	LNST Q2 (tỷ)	% so Q2.2012	6T/2013 (tỷ)	% so 6T/2012	% so KH 2013	BVPS (VND)	EPS (VND)	P/E	P/B	ROA (%)	ROE (%)
1	KDC	44.19	589.4%	77.86	998.0%	17.3%	27,673	2,752	18.89	1.88	7.57	10.14
2	CSM	99.95	42.0%	168.58	54.1%	81.7%	19,037	4,668	7.69	1.89	15.92	31.18
3	HPG	511.60	52.8%	968.53	82.7%	80.7%	21,545	3,419	10.56	1.68	7.46	16.46
4	PVD	451.49	58.6%	872.58	31.6%	64.2%	37,118	7,214	9.56	1.86	8.12	21.45
5	DRC	110.65	28.2%	188.82	31.1%	60.4%	14,377	4,303	9.58	2.87	13.94	30.65
6	GAS	2908.61	23.1%	7200.95	54.2%	93.6%	17,051	6,429	10.50	3.96	25.37	41.56
7	REE	528.99	239.4%	639.08	55.3%	98.3%	18,156	3,306	7.77	1.42	14.19	21.49
8	PPC	355.94	467.1%	1299.95	565.0%	387.6%	15,679	5,411	3.73	1.29	14.41	38.41

CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 3/2013

STT	Mã	Doanh thu		LNST (tỷ)		Doanh thu (tỷ)		LNST (tỷ)			EPS 9T (VND)	P/E (9T)
		Q3/2013	% so Q3.2012	Q3/2013	% so Q3.2012	9T/2013	% so 9T/2012	9T/2013	% so 9T/2012	LN 9T so KH2013		
1	SDT	181.82	50.56%	21.01	92.15%	802.2	82.4%	57.9	100.7%	95.6%	2,751	5.5
2	NNC	89.77	135.81%	38.09	210.79%	244.8	128.0%	77.36	154.9%	137.9%	9,073	4.8
3	TRC	90.19	38.98%	48.20	39.30%	327.0	56.4%	146.2	64.4%	75.9%	4,996	8.2
4	PXS	303.58	121.59%	33.30	1656.72%	682.0	68.1%	49	78.9%	49.6%	1,245	8.8
5	PHR	366.96	56.69%	58.72	48.83%	1,127.0	69.4%	192	50.4%	50.8%	2,429	12.4
6	DNM	50.96	146.52%	3.24	108.72%	130.5	112.1%	9.18	154.8%	61.2%	3,045	7.9
7	VTV	779.97	93.83%	11.08	143.15%	2,580.0	97.8%	24.6	104.6%	100.0%	1,590	4.7
8	TCM	700.25	134.53%	34.74	4235.71%	1,900.0	107.5%	92.5	16918.2%	102.4%	1,880	8.9
9	TNA	409.86	120.95%	6.65	61.98%	1,124.0	121.7%	25.87	85.7%	86.2%	3,234	7.0
10	NHC	23.38	124.76%	1.40	735.53%	63.2	104.8%	2.5275	153.2%	104.0%	1,710	8.8

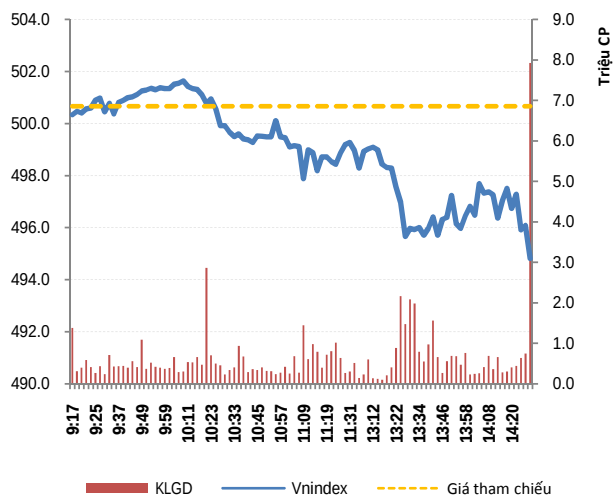
Ghi chú: P/E, EPS, ROA và ROE tính theo dữ liệu bốn quý gần nhất (trừ khi ghi chú khác)

BV tính theo báo cáo tài chính quý gần nhất

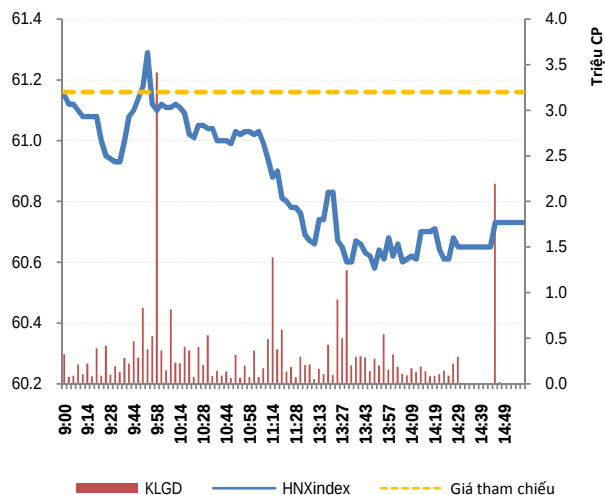
Giá lấy theo giá đóng cửa ngày 10/10/2013.

KLGD bình quân trong 1 tháng gần nhất trên 50.000 cổ phiếu/phiên

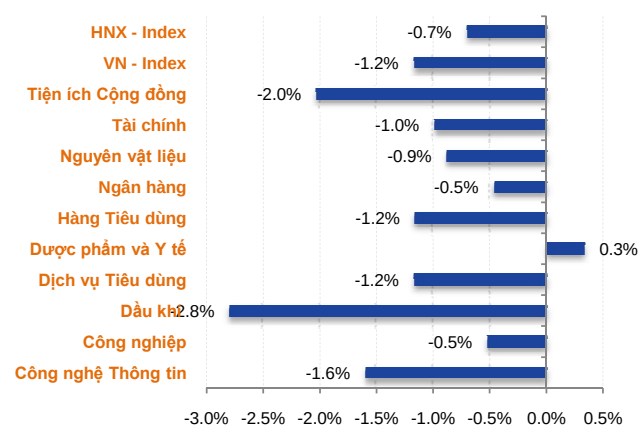
KLGD và VN-Index trong phiên



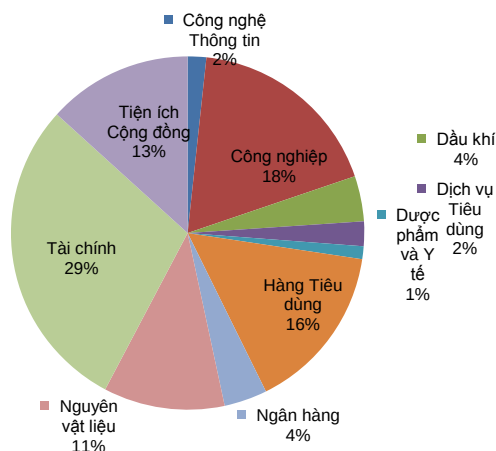
KLGD và HNX-Index trong phiên



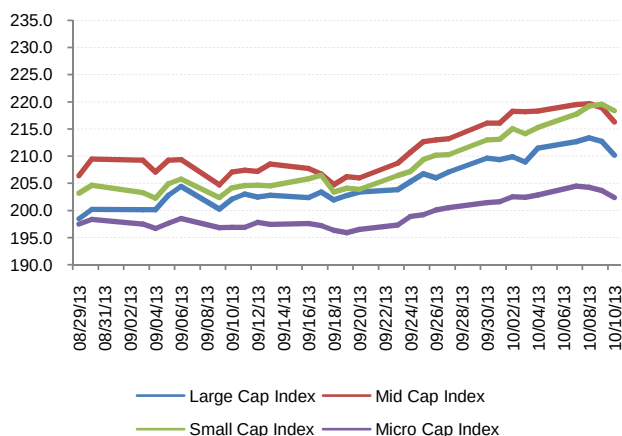
Biến động giá phân theo nhóm Ngành



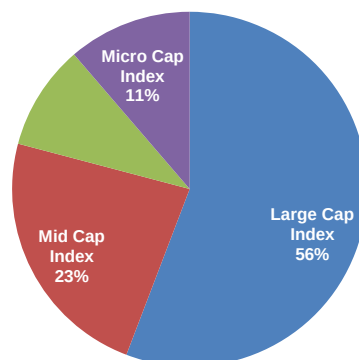
Giá trị giao dịch phân theo nhóm Ngành



Chuỗi Index theo nhóm vốn hóa



Giá trị giao dịch theo nhóm vốn hóa



Nhóm vốn hóa được phân loại bởi StoxPlus:

Large Cap: Vốn hóa trên 5000 tỷ
 Mid Cap: Vốn hóa từ 1000 - 5000 tỷ
 Small Cap: Vốn hóa từ 500 - 1000 tỷ
 Micro Cap: Vốn hóa dưới 500 tỷ



HOSE

HNX

Top 5 CP NĐT nước ngoài mua và bán nhiều nhất

TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng
1	DIG	333,010	GAS	199,730
2	TCL	195,020	EIB	125,160
3	CTG	185,000	PGD	108,430
4	VCB	178,790	SVC	90,000
5	DRC	175,000	IJC	38,860

TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng
1	SHB	500,000	SD5	54,600
2	PVS	109,000	VCG	34,000
3	AAA	105,000	SKS	33,300
4	SHN	50,000	ITQ	20,400
5	PVC	44,400	SD9	9,000

Top 5 CP có KLGD lớn nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	%	KLGD
ITA	5.9	5.7	↓ -3.39%	3,835,610
FLC	5.0	5.0	→ 0.00%	3,663,140
IJC	7.6	7.6	→ 0.00%	3,306,280
HAR	6.9	6.9	→ 0.00%	3,293,760
PVT	8.8	8.6	↓ -2.27%	2,619,540

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	%	KLGD
KLS	8.2	8.2	↑ 0.45%	4,713,680
VCG	8.8	8.6	↓ -2.18%	2,845,808
SCR	5.7	5.6	↓ -1.33%	2,579,648
SHB	6.8	6.8	↓ -0.44%	2,183,992
AAA	15.2	15.8	↑ 4.00%	1,514,300

Top 5 CP tăng giá nhiều nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
PXM	0.8	0.9	0.1	↑ 12.50%
SVI	30.0	32.1	2.1	↑ 7.00%
HAS	4.3	4.6	0.3	↑ 6.98%
TDW	15.9	17.0	1.1	↑ 6.92%
DAG	12.4	13.2	0.8	↑ 6.45%

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
CCM	9.0	9.9	0.9	↑ 10.00%
VE4	8.0	8.8	0.8	↑ 10.00%
PHS	2.3	2.5	0.2	↑ 8.70%
AME	3.6	3.9	0.3	↑ 8.33%
VCV	2.4	2.6	0.2	↑ 8.33%

Top 5 CP giảm giá nhiều nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
ELC	20.0	18.6	-1.4	↓ -7.00%
HLG	7.2	6.7	-0.5	↓ -6.94%
KAC	5.8	5.4	-0.4	↓ -6.90%
CMT	5.9	5.5	-0.4	↓ -6.78%
AAM	18.0	16.8	-1.2	↓ -6.67%

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
PSG	0.6	0.5	-0.1	↓ -16.67%
HAT	28.0	25.2	-2.8	↓ -10.00%
LTC	7.0	6.3	-0.7	↓ -10.00%
MMC	6.0	5.4	-0.6	↓ -10.00%
FDT	37.6	33.9	-3.7	↓ -9.84%

(*) Giá điều chỉnh



CHỈ SỐ TÀI CHÍNH

Top KLGD lớn nhất HOSE

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
ITA	3,835,610	0.3%	31	186.3	0.5
FLC	3,663,140	4.3%	661	7.6	0.3
IJC	3,306,280	3.6%	390	19.5	0.7
HAR	3,293,760	4.4%	448	15.4	0.6
PVT	2,619,540	5.6%	630	13.6	0.7

Top KLGD lớn nhất HNX

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
KLS	4,713,680	1.9%	266	30.9	0.6
VCG	2,845,808	1.3%	150	56.6	0.7
SCR	2,579,648	-3.1%	(450)	-	0.4
SHB	2,183,992	-2.9%	(335)	-	0.6
AAA	1,514,300	12.2%	3,868	4.1	0.6

Top Đột biến giá HOSE

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
PXM	↑ 12.5%	-1010.2%	(14,249)	-	(0.1)
SVI	↑ 7.0%	29.4%	5,644	5.7	1.3
HAS	↑ 7.0%	1.3%	250	18.4	0.2
TDW	↑ 6.9%	15.0%	2,182	7.8	1.2
DAG	↑ 6.5%	15.7%	2,018	6.5	1.0

Top Đột biến giá HNX

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
CCM	↑ 10.0%	1.8%	455	19.8	0.4
VE4	↑ 10.0%	12.1%	1,741	5.1	0.6
PHS	↑ 8.7%	-29.0%	(1,699)	-	0.4
AME	↑ 8.3%	25.6%	2,362	1.7	0.4
VCV	↑ 8.3%	-95.8%	(5,087)	-	0.8

Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HOSE

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
DIG	333,010	0.0%	0	36,575.9	0.6
TCL	195,020	16.9%	3,235	7.0	1.1
CTG	185,000	19.2%	2,602	6.7	1.2
VCB	178,790	9.9%	1,785	15.9	1.6
DRC	175,000	30.6%	4,303	9.5	2.9

Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HNX

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
SHB	500,000	-2.9%	(335)	-	0.6
PVS	109,000	16.4%	2,738	5.8	1.0
AAA	105,000	12.2%	3,868	4.1	0.6
SHN	50,000	-123.3%	(3,000)	-	0.7
PVC	44,400	10.0%	1,725	8.8	1.0

Top Vốn hóa HOSE

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
GAS	125,070	41.6%	6,429	10.3	3.9
VNM	116,687	40.5%	7,699	18.2	6.9
VCB	65,815	9.9%	1,785	15.9	1.6
CTG	64,787	19.2%	2,602	6.7	1.2
MSN	58,527	3.9%	856	97.0	3.8

Top Vốn hóa HNX

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
ACB	14,468	0.3%	41	385.7	1.2
SQC	8,602	5.8%	720	108.7	6.3
PVS	7,147	16.4%	2,738	5.8	1.0
SHB	5,937	-2.9%	(335)	-	0.6
OCH	4,800	6.5%	598	40.2	2.2

Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HOSE

Mã	Beta	ROE	EPS	P/E	P/B
PXM	2.43	-1010.2%	(14,249)	-	(0.1)
TS4	2.37	7.9%	1,504	5.3	0.4
PPC	2.26	38.4%	5,411	3.7	1.3
PET	2.23	15.1%	2,689	7.8	1.2
GMD	2.17	4.7%	1,866	13.9	0.7

Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HNX

Mã	Beta	ROE	EPS	P/E	P/B
TTZ	3.97	1.3%	135	22.2	0.3
PVV	3.93	-24.8%	(2,293)	-	0.2
PVA	3.90	-108.8%	(6,781)	-	0.6
VCG	3.55	1.3%	150	56.6	0.7
HNM	3.40	3.4%	357	20.7	0.7



Mọi thông tin xin vui lòng liên hệ:

Phòng Phân tích - Công ty Cổ Phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội

Trụ sở chính tại Hà Nội

Tầng 3, Tòa nhà Trung tâm Hội nghị Công đoàn, Số 01 Yết Kiêu, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: (84-4)-3818 1888
Fax: (84-4)-3818 1688

Chi nhánh Hồ Chí Minh

Lầu 3, tòa nhà Artex, 236-238 Nguyễn Công Trứ, P. Nguyễn Thái Bình, Q.1, TP.HCM
Tel: (84-8)-3915 1368
Fax: (84-8)-3915 1369

Chi nhánh Đà Nẵng

97 Lê Lợi, Hải Châu, Đà Nẵng
Tel: (84-511)-352 5777
Fax: (84-511)-352 5779

Website: www.shs.com.vn

Người thực hiện:

Đoàn Thị Ánh Nguyệt
nguyet.dta@shs.com.vn

Tất cả những thông tin nêu trong báo cáo nghiên cứu này đã được xem xét cẩn trọng, tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội (SHS) không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo. Các quan điểm, nhận định và đánh giá trong báo cáo này là quan điểm cá nhân của các chuyên viên phân tích mà không đại diện cho quan điểm của SHS.

Báo cáo này chỉ nhằm mục tiêu cung cấp thông tin mà không hàm ý khuyến người đọc mua, bán hay nắm giữ chứng khoán. Người đọc chỉ nên sử dụng báo cáo nghiên cứu này như là một nguồn thông tin tham khảo.

SHS có thể có những hoạt động hợp tác kinh doanh với các đối tượng được đề cập đến trong báo cáo này. Người đọc cần lưu ý rằng SHS có thể có những xung đột lợi ích đối với các nhà đầu tư khi thực hiện báo cáo nghiên cứu phân tích này.

Dữ liệu tài chính được cung cấp bởi [StoxPlus Corporation](#)